

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Tình hình người nghiện ma túy, kết quả cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 6.901 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý (là tinh trọng điểm, phức tạp về ma túy), trong đó:

- Tại các Cơ sở cai nghiện ma túy: 1.513 người;
- Tại nhà tạm giam, tạm giữ: 349 người;
- Số người nghiện ma túy đang quản lý tại địa phương: 5.039 người (trong đó số người nghiện ma túy đang được điều trị bằng thuốc thay thế Methadone là 1.069 người).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08 cơ sở cai nghiện (gồm 03 cơ sở cai nghiện bắt buộc và 05 cơ sở cai nghiện tự nguyện) với quy mô tiếp nhận 1.750 học viên. Hàng năm, toàn tỉnh tổ chức cai nghiện cho khoảng 2.100 người nghiện ma túy, trong đó: cai nghiện tại gia đình, cộng đồng là 800 người, cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy 1.300 người (tự nguyện 500 người, bắt buộc 800 người).

Tình hình người nghiện ma túy có xu hướng gia tăng và ngày càng trẻ hóa. Tội phạm có liên quan đến ma túy diễn biến phức tạp gây mất ổn định, an ninh trật tự, làm ảnh hưởng rất lớn tới việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### 2. Cơ sở thực tiễn

Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện và tại gia đình, cộng đồng đã hết hiệu lực, cụ thể: Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh.

Các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành như: Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019). Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đều quy định: HĐND cấp tinh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, thực tế số người tham gia cai nghiện để quy định mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại các văn bản.

Hơn nữa, chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện tự nguyện tại các sở cai nghiện ma túy được thực hiện trên địa bàn tinh từ năm 2012 đến nay và ngân sách tinh đã bố trí ổn định cho việc thực hiện các chế độ hỗ trợ này, nhờ vậy, đã góp phần thực hiện tốt các chi tiêu, nhiệm vụ trong công tác cai nghiện nói riêng và phòng, chống ma túy nói chung, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tinh.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tinh quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tinh Nghệ An là đúng thẩm quyền và cần thiết.

## 2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;
- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng; số 80/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lí hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lí vi

phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

- Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

- Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết phải theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật phòng, chống ma túy năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật phòng, chống ma túy năm 2008; Luật ngân sách nhà nước 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý.

## **III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN, DỰ KIẾN TỔNG KINH PHÍ HÀNG NĂM THỰC HIỆN VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Nguồn ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;
- Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy).

### **2. Dự kiến kinh phí thực hiện hàng năm**

Tổng kinh phí thực hiện các chế độ hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết là: 6.430.790.000 đồng/năm (các năm tiếp theo có thể tăng thêm do tăng chỉ tiêu cai nghiện).

### **3. Cơ sở xây dựng các chính sách được quy định tại Nghị quyết**

#### **3.1. Chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng**

Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng được quy định tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh (chính sách này vẫn còn phù hợp với thực tiễn và ngân sách tỉnh đã bố trí kinh phí ổn định từ năm 2012 đến nay), cụ thể: Hỗ trợ mức 3.500.000

đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy (để hỗ trợ cho đối tượng, công tác lập hồ sơ và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã).

a) Đối với nội dung chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy thực hiện quyết định cai nghiện, gồm:

- Tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cai nghiện: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian là 15 ngày;

- Tiền khám sức khoẻ, xét nghiệm trước và sau cai nghiện: 250.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cai, giải độc: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

#### *Cơ sở xây dựng nội dung chi và mức hỗ trợ*

Căn cứ khoản 1, Điều 8 và khoản 1, Điều 10 của Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và mức hỗ trợ cho người cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện được quy định tại Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh.

b) Hỗ trợ công tác lập hồ sơ và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: được quy định Điều 7, Thông tư 17/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Điều 6, Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

### ***3.2. Trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy***

#### *a) Nội dung đóng góp*

- Tiền ăn hàng tháng: 30% định mức đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

- Tiền sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

- Tiền học văn hóa và học nghề (nếu học viên có nhu cầu): Mức đóng góp tùy thuộc vào nhóm nghề và chi phí thực tế từng thời điểm theo quy định của nhà nước đảm bảo thu đủ bù chi.

#### *b) Cơ sở xây dựng nội dung và mức đóng góp*

- Tiền ăn hàng tháng: Do ngân sách mới chỉ hỗ trợ 70% cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện. Vì vậy, phần còn thiếu người cai nghiện ma túy tự nguyện phải đóng góp.

- Tiền điện, nước, vệ sinh:

+ Căn cứ vào chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện (đối tượng tương tự) được quy định trong Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh;

+ Mức đóng góp đó đảm bảo chi phí cho quá trình tổ chức cai nghiện cho người nghiện cai ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

### **3.3. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy**

#### **a) Nội dung hỗ trợ**

- Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt sinh hoạt cá nhân: 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu: 650.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 150.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

#### **b) Căn cứ xây dựng mức hỗ trợ**

- Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt sinh hoạt cá nhân: là mức tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 4 Chương II của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu và Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Việc quy định chế độ hỗ trợ như trong Thông tư 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là chung chung (mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ hoặc hóa đơn, chứng từ thực tế), trên thực tế khó khăn cho các cơ sở cai nghiện trong việc xây dựng kế hoạch để chủ động nguồn thuốc phục vụ cho công tác cai nghiện và công tác thanh quyết toán.

#### **Căn cứ xây dựng mức hỗ trợ:**

+ Căn cứ vào chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện (đối tượng tương tự) được quy định trong Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh;

+ Mức hỗ trợ được quy định trong Nghị quyết đảm bảo chi phí cho quá trình tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

#### **c) Các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 5 của Nghị quyết:**

“4. Trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (20 ngày) người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ 100% mức đóng góp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này

5. Sau thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (tính từ ngày thứ 21 trở đi), tùy theo từng đối tượng cai nghiện, người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với thương binh, bệnh binh, con liệt sỹ, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng và người bị nhiễm HIV/AIDS;

b) Hỗ trợ 30% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với người thuộc hộ cận nghèo”.

- Cơ sở xây dựng nội dung và mức hỗ trợ:

Do khoản 3, Điều 4 Chương II của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định: Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (nếu có), vì vậy:

Trong dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã đưa vào thêm 03 đối tượng thuộc diện hỗ trợ 100% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng (ngoài đối tượng được quy định tại khoản 4, Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ): bệnh binh, con liệt sỹ, người bị nhiễm HIV/AIDS và 30% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo. Đồng thời, hỗ trợ toàn bộ kinh phí tổ chức cai nghiện trong 20 ngày cắt cơn, giải độc.

Lý do: những đối tượng nêu trên thuộc đối tượng người có công, thân nhân người có công, người yếu thế trong xã hội và người gặp khó khăn về kinh tế.

Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy để thực hiện định hướng của Chính phủ tăng dần số người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện, giảm dần số người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện.

d) Thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện tự nguyện là 06 tháng tính từ thời điểm người nghiện ma túy ký kết hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy

Theo quy định điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ: thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 6 tháng. Vì vậy, để đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh, trong dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện ma túy tự nguyện là 06 tháng.

#### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

UBND tỉnh giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Do nội dung hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng là chính sách đặc thù, vì vậy, căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện quy trình 02 bước, đến bước 2, nhập nội dung trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy vào thành một Nghị quyết chung trình Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Sau khi xây dựng Lập đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Báo cáo đánh giá tác động của chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, dự thảo Đề cương Nghị quyết, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Công an tỉnh, Sở Tài Chính, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thành thị và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý, Sở đã tiếp thu và hoàn thiện các dự thảo. Đồng thời, đã có văn bản thẩm định của Sở Tư pháp. Ngày 08/5/2019, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì họp với các Sở, ban, ngành để nghe và cho ý kiến dự thảo lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, đề cương Nghị quyết và các báo cáo liên quan. Căn cứ vào ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành và kết luận của Chủ trì cuộc họp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp thu, hoàn thiện. Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức xin ý kiến của các thành viên UBND tỉnh, trên cơ sở góp ý của các thành viên UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp tục hoàn thiện trước khi tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thực hiện Công văn số 232/CV-HĐND ngày 17/5/2019 về việc đồng ý xây dựng Nghị quyết và Công văn số 101/HĐND-TT ngày 06/03/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất danh mục Nghị quyết trình HĐND năm 2019, UBND tỉnh giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Dự thảo Nghị quyết đã đăng tải xin ý kiến của cơ quan, cá nhân, tổ chức trên cổng thông tin điện tử tỉnh; đồng thời, tổ chức lấy ý kiến của các Cơ sở cai nghiện ma túy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài Chính, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, ý kiến góp ý qua cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cơ sở cai nghiện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị

quyết. Đồng thời, Sở Tư pháp có văn bản thẩm định dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì họp với các Sở, ban, ngành liên quan để nghe và cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết. Ngày 20/5/2019, dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 5/2019. Căn cứ vào kết luận của Chủ trì cuộc họp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp tục hoàn thiện trước khi tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

## V. NỘI DUNG VÀ BÓ CỤC CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung: quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Nghị quyết có 02 phần:

- Phần 1: Căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết.

- Phần 2: Các quy định, bao gồm 08 Điều:

### + Điều 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### + Điều 2: Quy định về đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để thực hiện chế độ với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy.

4. Tổ công tác cai nghiện ma túy của các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Tổ công tác cai nghiện cấp xã).

### + Điều 3: Chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

Hỗ trợ mức 3.500.000 đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy để chi cho các nội dung sau:

1. Chi hỗ trợ đối với người nghiện ma túy thực hiện quyết định cai nghiện, gồm các nội dung:

a) Tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian là 15 ngày;

b) Tiền khám sức khoẻ, xét nghiệm trước và sau cai nghiện: 250.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Chi hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng: Thực hiện chi cho các nội dung được quy định tại Điều 7, Thông tư 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Chi hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: Thực hiện chi cho các nội dung được quy định tại Điều 6, Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**+ Điều 4: Trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy**

Người nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tự nguyện chữa trị, cai nghiện nội trú tại cơ sở cai nghiện ma túy phải đóng góp các khoản chi phí sau:

1. Tiền ăn hàng tháng: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

3. Tiền sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

4. Tiền học văn hóa và học nghề (nếu học viên có nhu cầu): Mức đóng góp tùy thuộc vào nhóm nghề và chi phí thực tế từng thời điểm theo quy định của nhà nước đảm bảo thu đủ bù chi.

**+ Điều 5. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy**

1. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt sinh hoạt cá nhân: 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu: 650.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

3. Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 150.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

4. Trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (20 ngày) người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ 100% mức đóng góp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

5. Sau thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (tính từ ngày thứ 21 trở đi), tùy theo từng đối tượng cai nghiện, người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với thương binh, bệnh binh, con liệt sỹ, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng và người bị nhiễm HIV/AIDS;

b) Hỗ trợ 30% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với người thuộc hộ cận nghèo.

6. Thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện tự nguyện là 06 tháng tính từ thời điểm người nghiện ma túy ký kết hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy.

#### + Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

2. Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy).

#### + Điều 7: Quy định về tổ chức thực hiện

#### + Điều 8: Quy định về hiệu lực thi hành.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An, kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An và một số tài liệu liên quan)./VJ

#### Nơi nhận:

- Nhu trê;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VPNC UBND tỉnh;
- Sở Lao động – TB&XH;
- Phòng Nội chính (Đ/c Vinh-TP);
- Lưu: VT UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông

KINH PHÍ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: /2019/NQ-HĐND

**Dự thảo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày tháng năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng; số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy

tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để thực hiện chế độ với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.
2. Người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.
3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy.
4. Tổ công tác cai nghiện ma túy của các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Tổ công tác cai nghiện cấp xã).

## **Điều 3. Chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng**

Hỗ trợ mức 3.500.000 đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy để chi cho các nội dung sau:

1. Chi hỗ trợ đối với người nghiện ma túy thực hiện quyết định cai nghiện, gồm các nội dung:
  - a) Tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian là 15 ngày;
  - b) Tiền khám sức khoẻ, xét nghiệm trước và sau cai nghiện: 250.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
  - c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
2. Chi hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng: Thực hiện chi cho các nội dung được quy định tại Điều 7, Thông tư 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Chi hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: Thực hiện chi cho các nội dung được quy định tại Điều 6, Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **Điều 4. Trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy**

Người nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tự nguyện chữa trị, cai nghiện nội trú tại cơ sở cai nghiện ma túy phải đóng góp các khoản chi phí sau:

1. Tiền ăn hàng tháng: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày

30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

3. Tiền sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

4. Tiền học văn hóa và học nghề (nếu học viên có nhu cầu): Mức đóng góp tùy thuộc vào nhóm nghề và chi phí thực tế từng thời điểm theo quy định của nhà nước đảm bảo thu đủ bù chi.

**Điều 5. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy**

1. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt sinh hoạt cá nhân: 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu: 650.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

3. Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 150.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

4. Trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (20 ngày) người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ 100% mức đóng góp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

5. Sau thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (tính từ ngày thứ 21 trở đi), tùy theo từng đối tượng cai nghiện, người cai nghiện ma túy tự nguyện được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với thương binh, bệnh binh, con liệt sỹ, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng và người bị nhiễm HIV/AIDS;

b) Hỗ trợ 30% mức đóng góp một đợt cai nghiện và hàng tháng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này đối với người thuộc hộ cận nghèo.

6. Thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện tự nguyện là 06 tháng tính từ thời điểm người nghiện ma túy ký kết hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy.

**Điều 6. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

2. Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy).

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng 7 năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...../2019/.

##### **Nơi nhận:**

- Ủy Ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Lao động – TB&XH, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cơ sở cai nghiện ma túy;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

##### **CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**

Nghệ An, ngày 17 tháng 05 năm 2019

### BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An.

Phúc đáp Công văn số 1531/LĐTBXH-PCTNXH ngày 15/05/2019 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sau khi nghiên cứu, đối chiếu dự thảo với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh:

Đề nghị bổ sung cụm từ “chế độ” vào trước cụm từ “hỗ trợ đối với người cai nghiện” cho đầy đủ.

b) Về đối tượng áp dụng:

Thống nhất như nội dung dự thảo.

#### 2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật hiện hành

Về cơ bản nội dung dự thảo đã đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp. Tuy nhiên, để dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh sửa một số nội dung như sau:

a) Về tên gọi dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*Quy định một số chế độ về công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An*” cho ngắn gọn, logic;

b) Tại phần căn cứ dự thảo, đề nghị bỏ căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP, vì không cần thiết;

c) Tại Điều 5 dự thảo

- Đề nghị bỏ nội dung, tên gọi khoản 1. Bởi vì, nội dung này đã được quy định tại tên gọi của điều (người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy là đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 dự thảo), đồng thời xây dựng các điểm a) b) c) dự thảo thành các khoản 1. 2. 3, các khoản 2, 3 dự thảo thành các khoản 4, 5 cho hợp lý;

- Tại khoản 2, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*tại khoản 1 Điều này*” thành “*tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này*”, cho hợp lý;

- Tại điểm c khoản 3, đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho hợp lý: “*Thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện ma túy tự nguyện là 06 tháng tính từ thời điểm người cai nghiện ma túy tự nguyện ký hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy*”, đồng thời đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại việc xây dựng điểm c thành một khoản độc lập, bởi vì nội dung điểm c không chỉ áp dụng cho riêng khoản 3 tức là đối tượng điều trị cắt cơn giải độc tính từ ngày 21 trở đi mà áp dụng cho các đối tượng từ khi ký hợp đồng cai nghiện. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét cho hợp lý.

d) Tại Điều 6 dự thảo, đề nghị bổ sung thêm khoản (2) trước đoạn “*Nguồn đóng góp....*”, cho hợp lý;

đ) Điều 8 dự thảo: đề nghị cơ quan xác định ngày cụ thể có hiệu lực của văn bản phải đảm bảo không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký (khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015);

e) Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh sửa một số nội dung như sau:

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đối tượng được lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết cho đầy đủ theo quy định;

- Tại khoản 2 mục I về cơ sở pháp lý, đề nghị bổ sung thêm căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cho đầy đủ;

- Tại khoản 2 mục II về quan điểm xây dựng Nghị quyết, đề nghị bổ sung thêm các văn bản có liên quan như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Phòng, chống ma túy năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Tại khoản 2 mục IV, đề nghị bổ sung thêm Công văn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đồng ý xây dựng chính sách..., cho đầy đủ;

- Tại đoạn cuối dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung việc liệt kê các văn bản có liên quan trong hồ sơ để trình Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

*"(Xin gửi kèm theo:.....)"*;

- Đề nghị chỉnh sửa một số lỗi chính tả trong dự thảo để đảm bảo tính nghiêm túc của văn bản.

### **3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với quy định giao cho quy định chi tiết**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, quyền hạn của HĐND tỉnh trong việc ban hành Nghị quyết để quy định *"Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương"*.

Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, trong đó quy định về nguồn kinh phí đóng góp, theo đó:

*"Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) theo mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định".*

Bên cạnh đó, đối với nội dung hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy, tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định:

*"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:*

a) *Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (nếu có)"*

Vì vậy, việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An là cần thiết và phù hợp về thẩm quyền.

### **4. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo, trình bày văn bản**

a) Về ngôn ngữ soạn thảo: cụ thể, rõ ràng;

b) Về kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản

Đề nghị tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại đoạn “Xét Tờ trình...”, đề nghị thay dấu (;) bằng dấu (,) ở cuối đoạn, cho hợp lý;

- Kết thúc các khoản Điều 4 dự thảo, đề nghị thay dấu (;) bằng dấu (.); kết thúc các điểm cuối cùng của khoản, đề nghị sử dụng thống nhất dấu (.) , cho hợp lý (điểm b khoản 2 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 5 dự thảo);

- Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “*một đợt cai nghiện hoặc hàng tháng*” thay cụm từ “*một đợt cai nghiện và hàng tháng*” thống nhất trong toàn dự thảo cho chính xác;

- Tại gạch đầu dòng thứ 10 mục nơi nhận, đề nghị chinh tách thành 02 đơn vị nhận; Công báo tỉnh thành Trung tâm công báo tỉnh cho hợp lý.

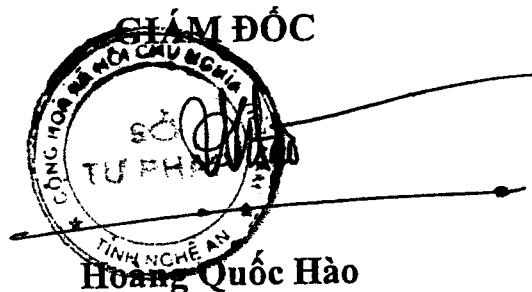
## 5. Kết luận

Sở Tư pháp nhất trí với việc Sở Lao động và Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo, gửi báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp (theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VB.



Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2019

## BÁO CÁO

**Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Sở, ngành và các Cơ sở cai nghiện ma túy về dự thảo Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và Công văn số 06/HĐND.TT ngày 06/3/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất danh mục Nghị quyết trình HĐND tỉnh năm 2019, trong đó có Nghị quyết về chế độ, chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An..

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1464/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 9/5/2019 và Công văn số 1504/LĐTBXH-PCTNXH ngày 13/5/2019 gửi các Sở, ban, ngành liên quan và Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng tải, lấy ý kiến góp ý về các văn bản nêu trên. Đồng thời, tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các Cơ sở cai nghiện ma túy. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở, ngành và các Cơ sở cai nghiện ma túy, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa các dự thảo và giải trình một số nội dung, cụ thể như sau:

TT	Ý kiến của các Sở, ngành	Tiếp thu, giải trình
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Sở Y tế: thống nhất với nội dung Dự thảo	- Tiếp thu
2	Sở Tài chính: 1. Đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng cụm từ “mức hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp...” thay vì “hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp...”. 2. Đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng cụm từ “người cai nghiện ma túy tự nguyện” thay vì “người	- Tiếp thu, chỉnh sửa - Tiếp thu, chỉnh sửa

nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện” trong cả 02 dự thảo nêu trên thống nhất theo Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

**3. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bô cục trình bày và nội dung tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết để phù hợp với quy định tại địa phương, cụ thể như sau:**

“Điều 4. Trách nhiệm đóng góp, mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy.

1. Trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy)

a) Tiền ăn hàng tháng: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh nghệ An quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

2. Mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy

a) Mức hỗ trợ trong thời gian cai nghiện đối với đối tượng thuộc khoản 4, Điều 2 Nghị quyết này như sau:

- **Hỗ trợ tiền ăn và tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: 70% định mức đối với người**

- Cơ bản Sở đã tiếp thu, chỉnh sửa, song đã tách quy định của Điều này trong dự thảo thành 02 Điều cho đảm bảo logic, hợp lý. Một số nội dung Sở chưa tiếp thu xin giải trình cụ thể như sau:

#### **- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa**

Lý do: Nghị quyết của Hội đồng không thể dẫn chiếu đến quyết định quy phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh. Vì vậy, Sở giữ nguyên như quy định trong dự thảo (không trích vào dự thảo Nghị quyết).

#### **- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa**

Lý do: Nghị quyết của Hội đồng không thể dẫn chiếu đến quyết định

	<p>nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh nghệ An quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An;</p> <p>b) Ngoài các nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này, trong thời gian cắt cơn, giải độc (20 ngày): người nghiện ma túy được hỗ trợ 100% mức đóng góp quy định tại khoản 1, Điều này. Sau thời gian cắt cơn, giải độc, từ ngày thứ 21 trở đi, người cai nghiện ma túy tự nguyện nội trú ở tại Trung tâm trong thời gian không quá 06 tháng được hỗ trợ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hỗ trợ 30 % mức đóng góp quy định tại Khoản 1, Điều này đối với người thuộc hộ cận nghèo.”</b></li> </ul>	<p>quy phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh. Vì vậy, Sở giữ nguyên như quy định trong dự thảo (không trích vào dự thảo Nghị quyết)..</p>
3	<p><b>Sở Tư pháp</b></p> <p>1. <b>Tại tên gọi dự thảo, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Quy định một số chế độ về công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, để ngắn gọn.</b></p> <p>2. <b>Phạm vi điều chỉnh, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Nghị quyết này quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.</b></p> <p>3. <b>Tại Điều 4 dự thảo</b></p> <p>a) <b>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn</b></p>	<p><b>- Tiếp thu, chỉnh sửa</b></p> <p><b>- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa</b> Lý do: Tên gọi như dự thảo nêu rõ, cụ thể hơn về nội dung của Nghị quyết.</p> <p><b>- Tiếp thu, chỉnh sửa</b></p> <p><b>- Tiếp thu, chỉnh sửa</b></p>

thảo xem xét, nghiên cứu tách nội dung Điều 4 thành 2 điều cho logic hơn. Trong đó, một điều quy định về trách nhiệm đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện và một điều quy định về chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) **Tại điểm khoản 1 Điều 4** dự thảo đưa ra định mức cứng về trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy (trong đó bao gồm tiền ăn, tiền điện nước, vệ sinh, tiền sinh hoạt văn thể). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn việc căn cứ vào đâu để đưa ra định mức bắt buộc người cai nghiện ma túy đóng góp như trên;

c) **Tại khoản 2, đưa ra định mức cứng hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu là**

Nội dung này Sở giải trình như sau:

- **Tiền ăn hàng tháng:** 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc...

**Căn cứ:** Do ngân sách mới chỉ hỗ trợ 70% cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện. Vì vậy, phần còn thiếu người cai nghiện ma túy tự nguyện phải đóng góp.

- **Tiền điện, nước, vệ sinh:** 80.000 đồng/01 người/01 tháng và tiền sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/01 người/01 đợt cai nghiện.

**Căn cứ:**

+ Căn cứ vào chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện (đối tượng tương tự) được quy định trong Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh;

+ Mức đóng góp đó đảm bảo chi phí cho quá trình tổ chức cai nghiện cho người nghiện cai ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

Nội dung này Sở giải trình như sau:

- Việc quy định chế độ hỗ trợ như trong Thông tư 124/2018/TT-BTC

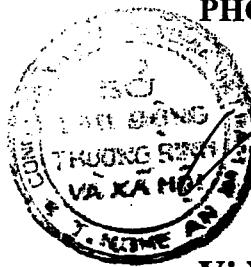
	<p>650.000đ/người/01 đợt cai nghiện và hỗ trợ chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/01 người/01 tháng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn việc căn cứ vào đâu để cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra định mức hỗ trợ cụ thể các mức tiền như trên</p> <p><b>3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày</b></p>	<p>là chung chung (mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ hoặc hóa đơn, chứng từ thực tế), trên thực tế khó khăn cho các cơ sở cai nghiện trong việc xây dựng kế hoạch để chủ động nguồn thuốc phục vụ cho công tác cai nghiện và công tác thanh quyết toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ xây dựng mức hỗ trợ:</li> <li>+ Căn cứ vào chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện (đối tượng tương tự) được quy định trong Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh;</li> <li>+ Mức hỗ trợ được quy định trong Nghị quyết đảm bảo chi phí cho quá trình tổ chức cai nghiện cho người nghiện cai ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.</li> </ul> <p><b>- Tiếp thu, chỉnh sửa</b></p>
4	<p><b>Công an tỉnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bổ sung nội dung hỗ trợ công tác lập hồ sơ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng</b></li> </ul>	<p><b>- Tiếp thu, chỉnh sửa</b></p>
5	<p><b>Các cơ sở cai nghiện ma túy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ bản đồng ý với bộ cục và nội dung dự thảo;</li> <li>- <b>Góp ý: Nên quy định thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện tự nguyện là 03 tháng, vì trên thực tế người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện không muốn cai nghiện thời gian kéo dài, thậm chí có trường hợp sau thời gian cắt cơn, giải độc là muốn chấm dứt hợp đồng cai nghiện tự nguyện</b></li> </ul>	<p><b>- Tiếp thu</b></p> <p><b>- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa</b></p> <p>Lý do: Theo quy định điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ: thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 6 tháng. Vì vậy, nội dung này giữ nguyên như trong dự thảo</p>

Trên đây là Báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan và các Cơ sở cai nghiện ma túy về dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (thẩm định);
- Các Sở, ngành liên quan;
- Giám đốc Sở (b/c)
- Lưu VT, CCPCTNXH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vi Ngoc Quynh**

Nghệ An, ngày 17 tháng 5 năm 2019

## BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Ngày 17/5/2019, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo thẩm định số 614/BCTD-STP ngày 17/5/2019 của Sở Tư pháp về Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa các dự thảo và giải trình một số nội dung, cụ thể như sau:

Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Tiếp thu, giải trình
<p><b>1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Đề nghị bỏ sung cụm từ “chế độ” vào trước cụm từ “hỗ trợ đối với người cai nghiện” cho đầy đủ</p>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
<p><b>2. Về dự thảo Nghị quyết</b></p> <p>a) Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Quy định một số chế độ về công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An” cho ngắn gọn, logic.</p> <p>b) Tại phần căn cứ dự thảo, đề nghị bỏ căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP, vì không cần thiết</p>	<p>- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Lý do: Tên gọi như dự thảo nêu rõ, cụ thể hơn về nội dung của Nghị quyết</p> <p>- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Lý do: Thông tư số 124/2018/TT-BTC chỉ cụ thể hóa một số nội dung của Nghị định số 80/2018/NĐ-CP, còn một số nội dung của Nghị định không quy định như: thời gian cắt cơn, giải độc, cai nghiện tự nguyện và đối tượng được hỗ trợ. Vì vậy, Sở vẫn giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết</p>
<p><b>c) Tại Điều 5 dự thảo</b></p> <p>- Đề nghị bỏ tên gọi khoản 1, bởi vì nội dung này đã được quy định tại tên gọi của Điều, đồng thời xây dựng các điểm a) b) c) dự thảo thành các</p>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>

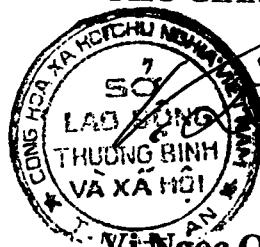
<p>khoản 1. 2. 3, cá khoản 2, 3 dự thảo thành các khoản 4, 5 cho hợp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại điểm c khoản 3, đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho hợp lý:</b></li> </ul> <p><i>"Thời gian hỗ trợ 01 đợt cai nghiện tự nguyện là 06 tháng tính từ thời điểm người nghiện ma túy ký kết hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện với cơ sở cai nghiện ma túy"</i>, đồng thời xem xét lại để xây dựng điểm c thành một điều khoản độc lập, bởi vì nội dung điểm c không chỉ áp dụng cho riêng khoản 3 tức là đối tượng điều trị cắt cơn giải độc tính từ ngày 21 trở đi mà áp dụng cho các đối tượng từ khi ký hợp đồng cai nghiện.</p> <p>d) <b>Tại Điều 6 dự thảo, đề nghị bổ sung thêm</b> khoản (2) trước đoạn <i>"Nguồn đóng góp...."</i>, cho hợp lý;</p> <p><b>3. Về dự thảo Tờ trình</b></p> <p>a) <b>Tại khoản 2 mục I về cơ sở pháp lý, đề nghị</b> bổ sung thêm căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.</p> <p>b) <b>Tại khoản 2 mục II về quan điểm xây dựng</b> Nghị quyết, đề nghị bổ sung thêm các văn bản có liên quan như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>c) <b>Tại khoản 2 mục IV, đề nghị bổ sung thêm</b> công văn của Thường trực HĐND tỉnh về việc đồng ý xây dựng chính sách..., cho đầy đủ.</p> <p><b>4. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo, trình bày văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại đoạn "Xét Tờ trình...", đề nghị thay dấu (;) bằng dấu (,) ở cuối đoạn, cho hợp lý;</b></li> <li>- <b>Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ "một đợt cai nghiện hoặc hàng tháng" thay cụm từ "một đợt cai nghiện và hàng tháng"</b></li> <li>- <b>Tại gạch đầu dòng thứ 10 mục nơi nhận, đề nghị</b> chinh tách thành 02 đơn vị nhận, sửa Công báo tỉnh thành Trung tâm công báo tỉnh cho hợp lý</li> </ul>	<p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>- Chưa tiếp thu, chỉnh sửa Lý do: đối tượng được hỗ trợ đồng thời cả hai nội dung kinh phí đó.</p> <p>- Tiếp thu, chỉnh sửa</p>
--	--

Trên đây là Báo cáo tiếp thu của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (thẩm định);
- Các Sở, ngành liên quan;
- Giám đốc Sở (b/c)
- Lưu VT, CCPCTNXH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Ngọc Quỳnh

Nghệ An, ngày 23 tháng 5 năm 2019

### BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội về lập đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Ngày 17/5/2019, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 17/5/2019 của Ban Văn hóa – Xã hội về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa các dự thảo và giải trình một số nội dung, cụ thể như sau:

Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội	Tiếp thu, giải trình
<p><b>1. Về đối tượng áp dụng:</b> Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc có nên đưa vào dự thảo nội dung:</p> <p>- “1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng”;</p>	<p><b>- Xin giải trình như sau:</b> Mặc dù Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đều quy định: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng song chia ra 02 biện pháp cai nghiện: Thông tư 117/2017/TT-BTC quy định: các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định: các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí để tổ chức để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Song trong dự thảo Nghị quyết việc</p>

	<p>hỗ trợ các chế độ đối với người cai nghiện ma túy không phân biệt về biện pháp cai nghiện là bắt buộc hay tự nguyện mà là quy định chung cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Vì vậy, Sở vẫn giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><b>- Xin giải trình như sau:</b></p> <p>Do trong dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ mức 3.500.000 đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện để chi cho các nội dung gồm: (1) hỗ trợ đối với người nghiện ma túy thực hiện quyết định cai nghiện và (2) hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng. Nên trong dự thảo Nghị quyết, Sở đưa Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã là đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị quyết.</p>
<p><b>2. Về kinh phí hỗ trợ:</b></p> <p><b>- Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ giữa Tờ trình và dự thảo Nghị quyết chưa có sự thống nhất, Tờ trình của UBND tỉnh không đề nghị hỗ trợ mức tối đa là 3.500.000 đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện.</b></p> <p><b>- Về mục chi hỗ trợ cho Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đã được quy định cụ thể trong các Thông tư, do đó không cần thiết phải đưa vào dự thảo Nghị quyết</b></p>	<p><b>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa</b></p> <p>Bỏ cụm từ “tối đa” trong dự thảo Nghị quyết để thống nhất giữa Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.</p> <p><b>- Xin giải trình như sau:</b></p> <p>Do trong dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ mức 3.500.000 đồng/người/lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện để chi cho các nội dung gồm: (1) hỗ trợ đối với người nghiện ma túy thực hiện quyết định cai nghiện và (2) hỗ trợ lập hồ sơ cai nghiện ma túy và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã làm nhiệm vụ cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng. Vì vậy, dự thảo Nghị quyết quy định dẫn chiếu tới Điều của Thông tư được áp dụng chứ không quy định nội dung cụ thể Điều được quy định tại các Thông tư.</p>

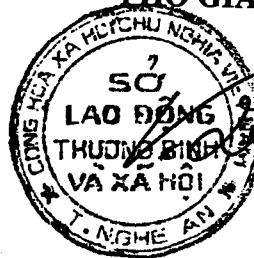
Trên đây là Báo cáo tiếp thu của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An ./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
  - Ban Văn hóa – Xã hội;
  - Các Sở, ngành liên quan;
  - Giám đốc Sở (b/c)
  - Lưu VT, CCPCTNXH.

10

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vi Ngọc Quỳnh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NGHỆ AN  
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Sở: Công thông  
Điện tử  
đ/c: [nghean.gov.vn](http://nghean.gov.vn)  
Đơn: Văn phòng  
VD, Tỉnh Nghệ  
Ngày ký: 13.05.2019  
2:27 +07:00

Số: 81 /CTTĐT-HCTH  
V/v Báo cáo kết quả lấy ý kiến  
dự thảo văn bản

Nghệ An, ngày 13 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Cổng thông tin điện tử Nghệ An nhận được Công văn số 1122/SLĐTBXH-CCPCTNXH ngày 11/4/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đăng tải Dự thảo Nghị quyết Một số chính sách hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Từ ngày 11/4/2019 đến ngày 11/5/2019 Cổng thông tin đã đăng tải dự thảo trên Chuyên trang dự thảo văn bản online (Địa chỉ: <http://duthaovanban.nghean.gov.vn>) để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, người dân, doanh nghiệp.

Qua theo dõi, đến nay hệ thống không tiếp nhận được ý kiến nào của các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý vào dự thảo.

Cổng thông tin điện tử Nghệ An báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Lê Văn Tân

UỶ BAN MTTQ VIỆT NAM  
TỈNH NGHỆ AN  
BAN THƯỜNG TRỰC

Số 224 /MTTQ-BTT  
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết  
của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 15 tháng 05 năm 2019

**Kính gửi:** Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An

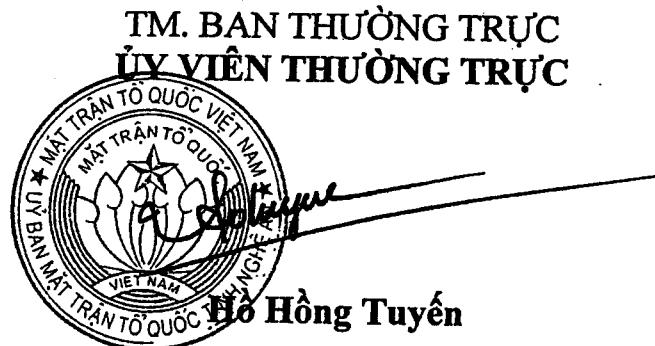
Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ tỉnh Nghệ An nhận được công văn số 1464/LĐTBXH -PCTNXH ngày 09/5/2019 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An về việc góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh lần 2: “Nghị quyết quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Sau khi nghiên cứu tài liệu kèm theo, Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ tỉnh nhất trí với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh về “Nghị quyết quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Vậy, Ủy ban MTTQ tỉnh thông báo để Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP, PT.



BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Số:~~A76~~CAT-PV01

V/v góp ý dự thảo  
Nghị quyết của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An.

Ngày 09/5/2019 Công an tỉnh nhận được Công văn số 1464/LĐTBXH-PCTNXH về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Công an tỉnh góp ý kiến như sau:

**I. Góp ý chung**

Cơ bản nhất trí như bối cảnh và thể thức trình bày của bản dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

**II. Góp ý cụ thể**

**1. Chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng (Điều 3)**

Nghị định số 94/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng đã quy định hai hình thức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng là cai nghiện tự nguyện và cai nghiện bắt buộc. Tại Điều 17 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định trách nhiệm lập hồ sơ để áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng do Trưởng Công an xã hoặc tương đương. Công tác lập hồ sơ cai nghiện của Trưởng Công an xã là khâu bắt buộc phải có để Tổ công tác cai nghiện cấp xã có thể triển khai thực hiện nhiệm vụ. Do vậy, hoạt động lập hồ sơ không được coi là hoạt động chung của Tổ công tác cai nghiện cấp xã.

Trong đó, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2017/TT-BTC của Bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng có nội dung chi lập hồ sơ mức 30.000đ/hồ sơ (ba mươi nghìn đồng). Thực tế hiện nay, để lập được một hồ sơ đưa người nghiện đi cai nghiện tự nguyện hay bắt buộc tại gia đình, cộng đồng rất khó khăn,

trước đó lực lượng Công an cấp xã phải đến gặp người nghiện, gia đình họ để tuyên truyền, thuyết phục, vận động họ cai nghiện, việc này không chỉ làm trong 1-2 ngày mà có khi 1-2 tháng.

Tuy nhiên, trong dự thảo chưa đề cập đến nội dung chi cho việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện mà túy mà chỉ có các nội dung chi cho người nghiện ma túy điều trị và Tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã, trong khi Bộ tài chính đã quy định cụ thể nội dung chi và mức chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 128/2018 và Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2017.

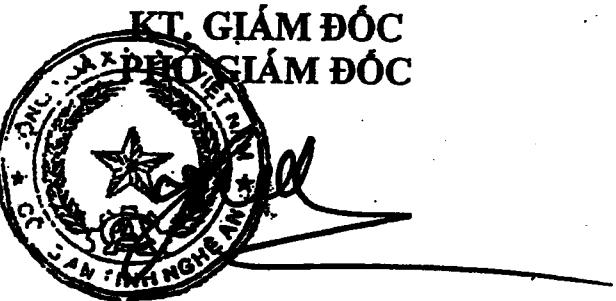
Để bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ chế độ chính sách đối với lực lượng có chức năng lập hồ sơ theo quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm mục mới vào Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

*"a) Chi lập hồ sơ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và lập hồ sơ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ".*

Trên đây là một số ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An của Công an tỉnh Nghệ An. Kính gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh nghiên cứu, tham khảo./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Đ/c Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: PV01(PC). *Nam*



Đại tá Nguyễn Mạnh Hùng

UBND TỈNH NGHỆ AN  
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1428 /STC-HX

V/v tham gia góp ý dự thảo văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 14 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1464/LĐTBXH-PCTNXH ngày 09/5/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xin ý kiến góp ý vào dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An” (sau đây gọi tắt là dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tham gia góp ý một số nội dung như sau:

1. Về tên gọi: Đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng cụm từ “mức hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp...” thay vì “hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp...”.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng cụm từ “người cai nghiện ma túy tự nguyện” thay vì “người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện” trong cả 02 dự thảo nêu trên thống nhất theo Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bối cảnh trình bày và nội dung tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết để phù hợp với quy định tại địa phương, cụ thể như sau:

**“Điều 4. Trách nhiệm đóng góp, mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy.”**

1. Trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy)

Người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện nội trú tại cơ sở cai nghiện ma túy phải đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tiền ăn hàng tháng: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/01 người/01 tháng;

c) Tiền sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/01 người/01 đợt cai nghiện;

d) Tiền học văn hóa và học nghề (nếu học viên có nhu cầu): Mức đóng góp tùy thuộc vào nhóm nghề và chi phí thực tế từng thời điểm theo quy định của nhà nước dám bảo thu đủ bù chi;

## 2. Mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy

a) Mức hỗ trợ trong thời gian cai nghiện đối với đối tượng thuộc khoản 4, Điều 2 Nghị quyết này như sau:

- Hỗ trợ tiền ăn và tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, chi phí khám, xét nghiệm ban đầu: 650.000 đồng/01 người/01 đợt cai nghiện;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 150.000 đồng/01 người/01 đợt cai nghiện; (bằng mức quy định đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An)

b) Ngoài các nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này, trong thời gian cắt cơn, giải độc (20 ngày): người nghiện ma túy được hỗ trợ 100% mức đóng góp quy định tại khoản 1, Điều này. Sau thời gian cắt cơn, giải độc, từ ngày thứ 21 trở đi, người cai nghiện ma túy tự nguyện nội trú ở tại Trung tâm trong thời gian không quá 06 tháng được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 100 % mức đóng góp quy định tại Khoản 1, Điều này đối với người thuộc hộ nghèo, thương binh, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người chưa thành niên, trẻ em mồ côi, người cao tuổi đơn côi không nơi nương tựa, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người nhiễm HIV/AIDS;

- Hỗ trợ 30 % mức đóng góp quy định tại Khoản 1, Điều này đối với người thuộc hộ cận nghèo."

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính Nghệ An, kính gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh các dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để B/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, HX.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tài chính  
Email: tachinh@nghean.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Nghệ An  
Ngày ký: 14.05.2019  
14:51:14 +07:00

Trần Việt Dũng

UỶ BAN MTTQ VIỆT NAM  
TỈNH NGHỆ AN  
BAN THƯỜNG TRỰC

Số 2224 /MTTQ-BTT  
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết  
của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 15 tháng 05 năm 2019

**Kính gửi:** Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An

Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ tỉnh Nghệ An nhận được công văn số 1464/LĐTBXH -PCTNXH ngày 09/5/2019 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An về việc góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh lần 2: “Nghị quyết quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Sau khi nghiên cứu tài liệu kèm theo, Ban Thường trực Uỷ ban MTTQ tỉnh nhất trí với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh về “Nghị quyết quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Vậy, Ủy ban MTTQ tỉnh thông báo để Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Nhu kính gửi;
- Lưu VP, PT.





**UBND TỈNH NGHỆ AN**  
**SỞ Y TẾ**

Số: A31/SYT-KHTC  
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của  
HĐND tỉnh Nghệ An.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 12 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 1843/UBND-NC ngày 26/03/2019 của UBND tỉnh, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết về chế độ, chính sách đối với người đã cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An vào kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2019.

Căn cứ Công văn số 1123/L-ĐTBXH-PCTNXH ngày 11/04/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi các Sở, ngành và đơn vị liên quan và UBND các huyện thành thị.

Căn cứ vào kết luận của đồng chí PCT UBND tỉnh Lê Minh Thông tại cuộc họp ngày 08/5/2019, Sở Lao động Thương binh và xã hội tiếp tục hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh lần hai.

Sở Y tế Nghệ An thống nhất với các quy định tại dự thảo lần hai Nghị quyết quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Sở Y tế có ý kiến như trên, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình UBND, HĐND tỉnh xem xét và chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



**Dương Đình Chính**



Nghệ An, ngày 19 tháng 5 năm 2019

## BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện một số chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện chủ trương của HĐND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết về một số chế độ, chính sách đặc thù hỗ trợ công tác cai nghiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện một số chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, với một số nội dung chủ yếu như sau:

### I. Công tác triển khai thực hiện

Ngày 05/02/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại các Trung tâm có chức năng cai nghiện và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó quy định chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, chế độ hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện.

Trong thời gian qua, UBND đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành, các cơ quan thông tấn báo chí, các địa phương, đơn vị... tuyên truyền phổ biến các chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy tại cộng đồng và tự nguyện cai nghiện tại các Cơ sở cai nghiện đến tận người dân để mọi người hiểu và thực hiện tốt các chế độ, chính sách tỉnh.

Nhìn chung, các chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và tự nguyện cai nghiện tại các Cơ sở cai nghiện đã được địa phương, người dân đặc biệt người nghiện và gia đình có người nghiện ma túy đón nhận và tích cực thực hiện, góp phần đảm bảo an ninh trật tự và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà..

### II. Những kết quả đạt được

Sau hơn 02 năm thực hiện, các chế độ này đã có nhiều tác động tích cực, đến công tác cai nghiện ma túy, số người nghiện ma túy được tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện tăng lên. Bên cạnh đó, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc cho địa phương, cơ



sở trong quá trình tổ chức cai nghiện. Các địa phương và Cơ sở chủ động hơn trong việc triển khai thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch về cai nghiện.

Kết quả thực hiện các nội dung, cụ thể như sau:

### **1. Chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng**

Theo quy định của Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND, ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.500.000 đồng/01 lần cai nghiện/người khi hoàn thành chương trình cai nghiện (không quy định trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng).

Năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng cho 2.146 người nghiện ma túy.

Kinh phí hỗ trợ để tổ chức cai nghiện là: 7.511.000.000 đồng.

(có biểu kèm theo)

### **2. Chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện**

Tại Điều 5, Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND quy định các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma túy, trong đó quy định rõ nội dung, mức và đối tượng được hỗ trợ và các khoản đóng góp của người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm.

Năm 2016 đến nay, các Cơ sở cai nghiện tiếp nhận và tổ chức cai nghiện cho 950 lượt người nghiện ma túy.

Kinh phí hỗ trợ: 2.738.000.000 đồng

(có biểu kèm theo)

### **III. Một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc**

Việc thực hiện chế độ hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại cộng đồng và tự nguyện cai nghiện tại các Cơ sở cai nghiện tuy đạt nhiều kết quả như đã nêu ở trên, nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc như sau:

1. Ngày 17/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị định 80/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2000/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh; Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài

chính, trong đó quy định thẩm quyền quy định mức hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy và gia đình có người nghiện ma túy đối với công tác cai nghiện tại gia đình, tại cộng đồng và cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã hết hiệu lực.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách đến người dân nói chung, người nghiện ma túy và gia đình có người nghiện ma túy nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới nên kết quả cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện đạt kết quả chưa cao;

3. Người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng nếu không thuộc trường hợp miễn không được hỗ trợ trong thời gian cắt cơn, giải độc.

#### IV. Một số đề xuất, kiến nghị

Thời gian qua, các chế độ hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND đã có nhiều tác động tích cực đến công tác cai nghiện ma túy, góp phần đảm bảo an ninh trật tự và phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, thẩm quyền ban hành chế độ, chính sách và một số nội dung cần phải được điều chỉnh cho phù hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và yêu cầu thực tiễn công tác cai nghiện ma túy trong thời gian tới.

UBND tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp đối với người nghiện ma túy cai tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An./. *V.L*

#### Noi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
  - Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
  - Chánh, Phó chánh VP UBND tỉnh;
  - Phòng Nội chính (Đ/c Vinh -TP)
  - Các Sở, ngành liên quan;
  - Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
  - Lưu VT UBND tỉnh.
- cm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC CAI NGHIỆN MÀ TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG VÀ CAI TỰ NGUYỆN TẠI CÁC CƠ SỞ  
CAI NGHIỆN MÀ TÚY GIAI ĐOẠN 2016 -2018**

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Tổng kinh phí
		Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Số lượng	Định mức	Thành tiền	
1	Kinh phí cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	600	3,500	2,100,000	894	3,500	3,129,000	700	3,500	2,450,000	7,679,000
2	Kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện mà túy	271		582,650	340		718,000	496		823,870	2,124,520
	Tổng			2,682,650			3,847,000			3,273,870	9,803,520

**BÁO CÁO**  
**Đánh giá tác động chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và  
cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Chương trình ban hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tác động của chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Tình hình người nghiện ma túy, kết quả cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 6.901 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý (là tinh trọng điểm, phức tạp về ma túy), trong đó:

- Tại các Cơ sở cai nghiện ma túy: 1.513 người;
- Tại nhà tạm giam, tạm giữ: 349 người;
- Số người nghiện ma túy đang quản lý tại địa phương: 5.039 người (trong đó số người nghiện ma túy đang được điều trị bằng thuốc thay thế là 1069 người).

Số người nghiện ma túy được cai nghiện hàng năm khoảng: 2.100 người, trong đó cai nghiện tại gia đình, cộng đồng là 700 người, tại các cơ sở cai nghiện là 1.400 người.

Tình hình người nghiện ma túy dự báo hết sức phức tạp, số lượng người nghiện ma túy có xu hướng gia tăng và ngày càng trẻ hóa. Số người nghiện ma túy được áp dụng các hình thức cai nghiện còn hạn chế, tỷ lệ tái nghiện cao. Tình hình tội phạm do có liên quan đến ma túy chiếm khoảng 60% số loại tội phạm bị bắt giữ, xử lý. Từ đó, gây mất ổn định, an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh, làm ảnh hưởng rất lớn tới việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như việc kêu gọi đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh.

**2. Bối cảnh xây dựng chính sách đối với chính sách hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng**

Theo quy định của Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Điều 6, Điều 7 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực

hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện. Người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng phải đóng góp một phần kinh phí cai nghiện (tiền ăn, tiền thuốc,...) nếu không thuộc trường hợp miễn.

Tuy nhiên, trên thực tế người nghiện ma túy thường không tự giác khai báo tình trạng nghiện, tự nguyện đăng ký tham gia hình thức cai nghiện ma túy và phối hợp trong quá trình tổ chức cai nghiện, thậm chí còn tìm cách bỏ trốn. Mặt khác, theo quy định của Luật xử lý hành chính năm 2012 và văn bản hướng dẫn thi hành, người nghiện ma túy khi bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường đồng thời phải lựa chọn hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng. Nếu không thuộc trường hợp miễn giảm, người nghiện ma túy phải đóng góp kinh phí (tiền ăn, tiền thuốc,...) trong quá trình tổ chức cắt cơn tập trung tại cộng đồng hoặc tại các cơ sở cai nghiện ma túy. Vì vậy, sẽ rất khó khăn cho Tổ công tác cai nghiện cấp xã trong quá trình tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma túy, thậm chí không thể thực hiện được. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến công tác cai nghiện bắt buộc tại các Cơ sở cai nghiện cũng như tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trong những năm qua, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác cai nghiện tại cộng đồng, năm 2009, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 77/2009/NQ-HĐND ngày 23/07/2009 của về sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 233120081NQ-HĐND ngày 23/7/2008 về trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó tổng mức chi hỗ trợ đối với người tham gia làm nhiệm vụ cai nghiện và người nghiện ma túy có quyết định cai nghiện tại cộng đồng như sau: Lần 1: Không quá 2.000.000 đồng/lần cai nghiện/người khi hoàn thành chương trình cai nghiện; b) Lần 2: Không quá 1.300.000 đồng áp dụng cho đối tượng tái nghiện phải cai nghiện lần thứ 2"; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 90/2012/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở Chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở Chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại các Trung tâm có chức năng cai nghiện và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An đều quy định hỗ trợ 3.500.000 đồng/01 người/01 lần cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND đã được hết hiệu lực).

Tuy nhiên, Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính không quy định chế độ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc miễn.

Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy trong thời gian cắt cơn, giải độc tại cộng đồng hoặc tại các cơ sở cai nghiện, UBND xây dựng

chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An trình HĐND tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Xác định vấn đề bất cập:** Theo quy định của Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính, không quy định chế độ hỗ trợ đối với đối tượng không thuộc miễn đóng góp kinh phí để tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Tình trạng người nghiện ma túy tìm cách trì hoãn, trốn tránh việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc do khó khăn về kinh tế nên không đóng góp kinh phí. Vì vậy, ảnh hưởng công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng cũng như việc thực hiện các chỉ tiêu cai nghiện.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:** giải quyết tình trạng tìm cách trì hoãn, trốn tránh việc tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng của người nghiện ma túy hoặc do khó khăn về kinh tế nên không có tiền đóng góp để tổ công tác cai nghiện ma túy cấp xã tổ chức cắt cơn, giải độc.

### **3. Các giải pháp đề xuất:**

3.1. Phương án 1: không hỗ trợ kinh phí cho người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (đối với trường hợp không thuộc đối tượng miễn);

3.2. Phương án 2: hỗ trợ kinh phí cho người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (đối với trường hợp không thuộc đối tượng miễn) trong thời gian tổ chức cắt cơn tập trung tại cộng đồng hoặc tại các cơ sở cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

Hỗ trợ người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng một số nội dung sau:

a) Tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện: 40.000 đồng/01 người/01 ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày;

b) Tiền khám sức khoẻ, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 250.000 đồng/01người;

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt con, giải độc: 400.000 đồng/01 người.

### **4. Đánh giá tác động**

#### **4.1. Phương án 1:**

a) Tích cực: Giảm bớt nội dung chi cho ngân sách tỉnh;

b) Tiêu cực:

- Người nghiện ma túy sẽ tìm cách trì hoãn, trốn tránh, không phối hợp trong quá trình cai nghiện bằng cách không đóng các khoản kinh phí hoặc do gặp khó khăn về kinh tế nên không có tiền đóng góp để tổ chức cai nghiện;

- Ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu cai nghiện, hoạt động của Tổ công tác cai nghiện cấp xã và tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Không đạt được mục đích của công tác giáo dục tại xã, phường

#### 4.2. Phương án 2

##### a) Tích cực:

- Việc hỗ trợ kinh phí cho người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng tạo điều kiện thuận lợi Tổ công tác cai nghiện cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Khắc phục được tình trạng người nghiện ma túy sẽ tìm cách trốn tránh, không phối hợp trong quá trình cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc do gặp khó khăn về kinh tế;

- Góp phần nâng cao kết quả công tác cai nghiện, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

##### b) Tiêu cực: kinh phí hỗ trợ trích từ nguồn ngân sách tinh.

- Phát sinh thủ tục hành chính: không;

- Phát sinh thêm biên chế để thực hiện chính sách: không

- Tác động yếu tố giới: không

#### 5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

a) Lựa chọn phương án 2: Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm các nội dung nêu trên.

##### b) Lý do:

- Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng được quy trong Nghị quyết không tăng thêm so với Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh.

- Ngân sách tinh đã bố trí ổn định nguồn kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng từ năm 2012 đến nay (mức 3.500.000 đồng/01 người/01 lần khi hoàn thành chương trình cai nghiện).

### III. LẤY Ý KIẾN GÓP Ý

Sau khi xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức lấy ý kiến góp ý bằng văn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, UBND của 21 huyện, thành, thị và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An để lấy ý kiến của đơn vị, tổ chức và nhân dân. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các UBMTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An và các Sở, ngành liên quan, UBND của 21 huyện, thành, thị và ý kiến góp ý qua cổng thông tin điện tử, Sở tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện Báo cáo. Đồng thời, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định trước khi

trình UBND, HĐND tỉnh (thể hiện qua các Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Sở, ngành và địa phương).

#### **IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Trách nhiệm của các cấp, các ngành**

##### **1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh**

Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác, phòng, chống ma túy, nhất là trong việc tổ chức thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

##### **2. Hội đồng nhân dân tỉnh**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện các chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết này.

##### **3. Ủy ban nhân dân tỉnh**

UBND tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

#### **V. PHỤ LỤC**

Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ hỗ trợ quy định trong Nghị quyết này khoảng: 2.800.000.000 đồng/01 năm (đã được cân đối trong ngân sách tỉnh, không phát sinh thêm so với các năm trước)

Dự kiến kinh phí (2019-2021) trích từ ngân sách tỉnh để thực hiện các chế độ hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết (có phụ lục kèm theo)

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Noi nhận:*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chánh, Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Phòng Nội chính (Đ/c Vinh -TP)
- Các Sở, ngành liên quan;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu VT UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Thông

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2018

## NGHỊ ĐỊNH

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2003/NĐ-CP NGÀY 02 THÁNG 12 NĂM 2003 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN; NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2004/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 2004 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CHỮA BỆNH, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CHỮA BỆNH THEO PHÁP LỆNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ ÁP DỤNG ĐỒI VỚI NGƯỜI CHUA THÀNH NIÊN, NGƯỜI TỰ NGUYỆN VÀO CƠ SỞ CHỮA BỆNH**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2003/NĐ-CP); Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP).*

### **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP**

1. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

#### **“Điều 21. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện**

1. Giao dịch giữa người có nhu cầu cai nghiện ma túy và cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy là quan hệ dân sự, được thực hiện thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện. Đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi có nhu cầu cai nghiện ma túy phải thực hiện giao kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thông qua cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Khi tiến hành giao kết hợp đồng, người thực hiện giao kết hợp đồng phải chứng minh nhân thân bằng một trong các loại giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy khai sinh; giấy phép lái xe.

3. Ngày khi người có nhu cầu cai nghiện ma túy đề xuất nhu cầu sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy và chứng minh nhân thân, cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện, quyền và nghĩa vụ của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện.

4. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được ký kết giữa người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy và người có nhu cầu cai nghiện ma túy hoặc cha, mẹ, người giám hộ đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Khi tiếp nhận người tự nguyện cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện phải kiểm tra, lập biên bản tiếp nhận người nghiện ma túy, đồ dùng cá nhân và tư trang (nếu có); khám sức khỏe ban đầu”.

2. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 23. Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện**

1. Khi hoàn thành hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự. Đồng thời, người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy phải cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện cho người đã cai nghiện ma túy theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện khi kết thúc hợp đồng mà chưa đủ 18 tuổi thì Cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy có trách nhiệm bàn giao người đã cai nghiện cho cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vi phạm hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện thì các bên tiến hành thương lượng. Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng thì giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Người đi cai nghiện ma túy tự nguyện đang trong thời gian điều trị cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khỏe không được chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ.”

3. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP như sau:

**“Điều 2a. Chế độ chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện**

1. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Nghị định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 48a và Điều

48b Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

2. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo Khoản 1 Điều này được thực hiện thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020 tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Sơn La, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đăk Lăk, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập theo Khoản 1 Điều này.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thí điểm quy định tại Khoản 2 Điều này, kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo Chính phủ."

4. Bổ sung Điều 2b sau Điều 2 và Điều 2a Nghị định số 147/2003/NĐ-CP như sau:

#### **"Điều 2b. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện**

a) Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 6 tháng, gồm: điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe; giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

b) Thời gian điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khỏe tối thiểu là 20 ngày."

#### **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP**

1. Điều 28 được sửa đổi như sau:

#### **"Điều 28. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện**

Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP."

2. Điều 29 được sửa đổi như sau:

#### **"Điều 29. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện**

Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 2b Nghị định số 147/2003/NĐ-CP."

3. Điều 48 được sửa đổi như sau:

#### **"Điều 48. Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện**

Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP."

4. Bổ sung Điều 48a sau Điều 48 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP như sau:

#### **"Điều 48a. Chế độ, chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện**

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiên, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau:

- a) Thương binh;
- b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- c) Người thuộc hộ nghèo;
- d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;
- đ) Trẻ em mồ côi;
- e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

- a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.
- b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện."

5. Bổ sung Điều 48b sau Điều 48 và Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP như sau:

#### **"Điều 48b. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện**

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước."

#### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.
2. Bãi bỏ Điều 19, Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.
3. Bãi bỏ Điều 26, Điều 27 và Điều 49 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.
4. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực cai nghiện ma túy tự nguyện; hướng dẫn tổ chức, hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho người

làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và báo cáo theo quy định.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).KN

**Nguyễn Xuân Phúc**

(đã ký)

Số: 117/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

**THÔNG TƯ****QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ÁP  
DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC VÀ TỔ  
CHỨC CAI NGHIỆN MA TUÝ BẮT BUỘC TẠI CỘNG ĐỒNG**

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây viết tắt là Luật phòng, chống ma túy);

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cai nghiện ma tuý tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng.

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý

vi phạm hành chính; chế độ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy (sau đây viết tắt là chế độ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người nghiện ma túy điều trị, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc cho các đối tượng quy định tại Chương II và Chương III Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở điều trị cắt cơn phục vụ cho công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Về bố trí dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện

a) Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, kinh phí tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đối tượng vào tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng hoặc từ tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng sang cơ sở bảo trợ xã hội (nếu có) quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Thông tư này và kinh phí truy tìm người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ lưu trú tạm thời tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an cấp huyện;

Riêng đối với kinh phí vận chuyển người nghiện ma túy trong trường hợp khó xác định tình trạng nghiện ma túy phải vận chuyển người nghiện ma túy chuyển tuyến để xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại khoản 3 Điều 5

Thông tư này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ vận chuyển;

- Kinh phí quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này được thực hiện như sau:

+ Đối với các cơ sở công lập được bố trí trong dự toán của cơ sở theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

+ Đối với các cơ sở ngoài công lập được bố trí trong dự toán của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Kinh phí thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Tư pháp cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đối chiếu hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người nghiện ma túy quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này và kinh phí truy tìm người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an cấp huyện;

- Kinh phí truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này và các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 6 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Kinh phí hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.

#### **Điều 4. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí**

1. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

2. Thông tư này hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí đối với tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng ngoài công lập quản lý người nghiện ma túy không có

nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và điểm b khoản 5 Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này và dự kiến số lượng người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào lưu trú tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng ngoài công lập trên địa bàn (nếu có) lập dự toán kinh phí hỗ trợ tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng ngoài công lập và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hỗ trợ kinh phí đối với tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng ngoài công lập trên cơ sở các căn cứ sau:

- Biểu tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản phô tô các Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp theo mẫu số 03 (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TB-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc);

- Đối chiếu với các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ cho người của tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy; hỗ trợ cho người nghiện ma túy quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này (tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng ngoài công lập trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành);

c) Trường hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ vượt dự toán được giao, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung dự toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Chương II

### **NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

**Điều 5. Nội dung, mức chi cho công tác áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở quản lý người nghiện ma túy bắt buộc**

**1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở công lập thực hiện dịch vụ;

c) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

**2. Chi quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

a) Chi hỗ trợ trực tiếp cho người của tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy theo các chức danh nhân sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP

- Đối với phụ trách đơn vị, y sỹ, bác sỹ điều trị: 150.000 đồng/người/ngày;
- Đối với điều dưỡng viên, bảo vệ: 100.000 đồng/người/ngày;

b) Chi hỗ trợ cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lưu trú tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;
- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng. Trường hợp phải điều trị cắt cơn theo chỉ định của bác sỹ: Hỗ trợ mức tối đa 650.000 đồng/người trong thời gian lưu trú tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng;

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết trang cấp một lần (chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân): 700.000 đồng/người. Số lượng cụ thể các vật dụng cá nhân cần thiết do Thủ trưởng tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng quy định phù hợp với tình hình thực tế và dự toán được giao hàng năm;

- Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng;
- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;
- Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư này.

3. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng; đưa người nghiện ma túy đã có quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người không bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng sang cơ sở bảo trợ xã hội (nếu có); đưa người cần xác định nghiện ma túy chuyển tuyến để xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bỏ tri bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

4. Chi truy tìm người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ lưu trú tạm thời tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng; truy tìm người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Ngoài chế độ công tác phí, khi truy tìm được đối tượng bỏ trốn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc người truy tìm được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn;

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức;

b) Hỗ trợ cho người ma túy trong những ngày đi trên đường để đưa vào tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng, cơ sở cai nghiện bắt buộc kể từ ngày tìm được

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;

- Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

**Điều 6. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

b) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP. Căn cứ điều kiện cụ thể từng địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tinh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại khoản này; phần kinh phí chi vượt định mức này (nếu có) do ngân sách địa phương tự bảo đảm.

3. Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP: Mức 70.000 đồng/học viên/năm;

Trường hợp hỗ trợ mức cao hơn mức quy định tại khoản này, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tinh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

#### 4. Chi học văn hóa

##### a) Chi tiền lương đối với giáo viên

- Đối với giáo viên thuộc biên chế: Chi trả lương theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP). Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

- Đối với giáo viên ngoài biên chế: Mức chi tiền lương theo hợp đồng lao động tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

b) Chi hỗ trợ học phẩm: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về hỗ trợ học phẩm cho học sinh trung học cơ sở tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ

Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc;

c) Chi tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm, thuê trang thiết bị dạy học (nếu có) phục vụ công tác dạy và học văn hóa cho học viên: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

6. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: Nội dung và mức chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

7. Chi phí học nghề ngắn hạn

a) Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học. Căn cứ trình độ và năng lực của học viên; điều kiện về cơ sở vật chất của cơ sở và tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định hình thức học nghề cho phù hợp. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề;

b) Hình thức học

- Trường hợp cơ sở cai nghiện bắt buộc trực tiếp tổ chức đào tạo thì cơ sở được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ; mua tài liệu, giáo trình, học liệu đào tạo; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành; mua nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ công tác đào tạo; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị đào tạo; chi thuê thiết bị đào tạo (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo;

- Trường hợp đào tạo cho học viên theo hình thức liên kết đào tạo giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

8. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS, ngoài các chế độ hỗ trợ nêu trên còn được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm

sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam.

### 9. Chế độ lao động

a) Tiền công đối với học viên lao động tự nguyện: Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động;

b) Tiền thưởng cho học viên tham gia lao động trị liệu, lao động tự nguyện có thành tích xuất sắc: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/lần/người. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tiêu chí, số lượng người có thành tích xuất sắc phù hợp với kết quả lao động của học viên. Kết quả lao động của học viên là phần chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động tổ chức lao động của học viên.

10. Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm học viên chết. Mức chi phí mai táng không quá 30 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trong trường hợp cần trung cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết, cơ sở thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng và các văn bản hướng dẫn.

### 11. Tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe

a) Học viên là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe như sau:

- Tiền ăn: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;

- Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;

Trường hợp hỗ trợ mức cao hơn mức quy định tại điểm này, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể;

b) Học viên không thuộc đối tượng tại điểm a khoản này sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội. Mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

12. Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma tuý, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

b) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma tuý, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên;

c) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

13. Trường hợp trên thực tế phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

### **Chương III**

#### **NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TUÝ BẮT BUỘC TẠI CỘNG ĐỒNG**

##### **Điều 7. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng**

1. Chi lập hồ sơ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi hỗ trợ Tổ công tác cai nghiện ma tuý (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác thẩm tra, xét duyệt hồ sơ; điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện:

a) Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng

- Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi;

- Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

b) Chi hỗ trợ công tác quản lý: Văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma tuý. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma tuý trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma tuý bắt buộc tập trung tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/ngày;

d) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma tuý

- 50.000 đồng/người cai nghiện ma tuý/buổi tư vấn;
- 70.000 đồng/nhóm người cai nghiện ma tuý (từ hai người trở lên)/buổi tư vấn;

d) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình cấp có thẩm quyền (theo phân cấp của địa phương) xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma tuý tại cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

3. Chi phí vận chuyển người nghiện ma tuý từ nơi cư trú của người nghiện ma túy đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có): Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

#### **Điều 8. Các khoản đóng góp**

1. Người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma tuý có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư này), gồm:

- a) Chi phí khám sức khoẻ; xét nghiệm phát hiện chất ma tuý và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn;
- b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện;
- c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn;
- d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có).

2. Mức đóng góp cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tinh quyết định theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

#### **Điều 9. Chế độ miễn, giảm**

Người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tinh quyết định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.

#### **Điều 10. Chế độ hỗ trợ**

1. Hỗ trợ người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật

a) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

2. Trường hợp hỗ trợ mức cao hơn mức quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và thực tế số người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật tại địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Uỷ ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ phù hợp.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng quy định tại Điều 1, 2, khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 3, Chương II và Chương V Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2018

### THÔNG TƯ

#### Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây viết tắt là Luật phòng, chống ma túy);

Căn cứ Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây viết tắt là Nghị định số 147/2003/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng (sau đây viết tắt là Nghị định số 94/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2018/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, các cơ sở cai

nghiên ma túy công lập và ngoài công lập (sau đây viết tắt là các cơ sở cai nghiện ma túy) theo quy định của Luật phòng, chống ma túy và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thỏa thuận về nội dung và mức chi.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

### **1. Nguồn ngân sách trong nước**

a) Kinh phí thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy công lập do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Kinh phí thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trong thời gian thực hiện thí điểm đến năm 2020 được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thí điểm;

c) Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.

2. Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) theo mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

3. Nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn tài chính hợp pháp khác.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY**

## **Điều 4. Mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập.

2. Chi hỗ trợ chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường

a) Đối tượng hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP;

b) Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 95%, gồm:

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp. Cơ sở cai nghiện ma túy lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (nếu có);

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ chở ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (bao gồm cả các cơ sở đa chức năng có cai nghiện tự nguyện).

#### **Điều 5. Thí điểm hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập**

1. Thực hiện thí điểm hỗ trợ đến năm 2020 người cai nghiện ma túy tự nguyện tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm: Sơn La, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đăk Lăk, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ theo quy định tại Điều 2a Nghị định số 147/2003/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP.

2. Mức hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập thí điểm tối đa bằng mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Thông tư này đối với cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn.

3. Căn cứ mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Đề án thí điểm theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm để thực hiện cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở.

### **Chương III** **CHẾ ĐỘ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI** **GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

#### **Điều 6. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng**

1. Chi lập hồ sơ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi hỗ trợ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác thẩm tra, xét duyệt hồ sơ, điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma túy:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: Văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sắm sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy tập trung tại cộng đồng: 100.000 đồng/người/ngày;

c) Chi hỗ trợ cán bộ quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy tập trung tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/ngày;

d) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy

- 50.000 đồng/người cai nghiện ma túy/buổi tư vấn;

- 70.000 đồng/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên)/buổi tư vấn;

d) Chi hỗ trợ cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: Mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng

nghiện ma túy tại cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

3. Chi phí vận chuyển người nghiện ma túy từ nơi cư trú của người nghiện ma túy đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có): Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

### **Điều 7. Chế độ hỗ trợ**

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy bằng mức hỗ trợ đối với các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định của địa phương.

2. Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Chương IV LẬP, PHÂN BỐ, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ**

### **Điều 8. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí**

1. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

2. Việc hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trong thời gian thực hiện thí điểm được thực hiện như sau:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập tham gia thí điểm tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập thuộc 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Đề án thí điểm đã được phê duyệt lập kế hoạch cai nghiện ma túy và nhu cầu kinh phí hỗ trợ cai nghiện ma túy hàng năm cho các đối tượng theo mức quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp;

b) Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ kế hoạch cai nghiện ma túy của các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập, nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập và số lượng đối tượng người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở địa phương, lập dự toán kinh phí và tổng hợp

chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trên cơ sở các căn cứ sau:

- Biểu tổng hợp danh sách, kinh phí hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập (có chữ ký hoặc dấu tay điểm chỉ của đối tượng được hỗ trợ) theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lưu chứng từ này làm cơ sở quyết toán;

- Đôi chiếu các hóa đơn, chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc tổ chức cai nghiện ma túy cho đối tượng. Cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trực tiếp lưu giữ hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể theo quy định hiện hành.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập theo quy định.

## **Chương V** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

2. Các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện quy định tại Điều 1, khoản 1 và khoản 3 Điều 2, điểm b khoản 3 Điều 3 Chương I, Chương IV và Chương V Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ

áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

*Nơi nhận:*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Sở LĐTBXH, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (450 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Trần Văn Hiếu**

TÊN CƠ SỞ

Phụ lục

**BÌA TỔNG HỢP DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI  
NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY NGOÀI CỘNG LẬP**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Tổng số	Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần (nếu có)	Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiêm, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế (nếu có)	Quản áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (nếu có)	Tiền vê sinh phụ nữ (nếu có)	Hỗ trợ chỗ ở (nếu có)	Xác nhận của đối tượng (Ký hoặc điểm chỉ)	Ghi chú
A	B	1=2+...8	2	3	4	5	6	7	8
	<u>Tổng số</u>								10
	<u>Họ và tên người</u>								
	<u>nghiện ma túy</u>								
1	Nguyễn Văn A								
2	Lê Thị B								
3	...								

Cột ghi chú ghi rõ số ngày từng người nghiện ma túy thực tế lưu trú tại cơ sở.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 17/2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 05 tháng 02 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại các Trung tâm có chức năng cai nghiện và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh; số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng; số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh; số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 57/BCTD-STP ngày 19/01/2016 và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 217/TTr-SLĐTBXH ngày 26/01/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính, chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện

### 3. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo cơ quan công an các cấp tiến hành việc lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị định 221/2013/NĐ-CP;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại các Trung tâm sau khi có Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân cấp huyện.

### 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Thẩm định dự toán nguồn kinh phí cai nghiện của Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội cấp huyện trực thuộc, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã tiến hành lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và đối tượng cai nghiện tại gia đình cộng đồng theo quy định của pháp luật.

### 5. Các Trung tâm

a) Thực hiện tốt công tác cai nghiện, chữa trị, phục hồi hành vi, nhân cách; tổ chức lao động sản xuất, tạo việc làm cho học viên để phục hồi sức khỏe và góp phần đảm bảo đời sống;

b) Lập dự toán, tổ chức thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước.

### Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 90/2012/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở Chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở Chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các ban, ngành và đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Noi nhận:

- Như Điều 9;
- Bộ Tài Chính (B/cáo);
- Bộ Lao động- TB&XH (B/cáo);
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp (B/cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (B/cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (B/cáo);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/cáo);
- PCT TT UBND tỉnh;
- Chánh, phó VPNC UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- CV: Nội chính;
- Lưu: VT UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Xuân Đại